TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A, TỈNH K**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30/5/2022
V/v tranh chấp " Ly hôn, nuôi con "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH K
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Ngọc Giàu**

* Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Tấn Để**
2. Bà **Hồ Thị Hoa**

* Thư ký phiên tòa: Ông **Cao Vũ Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh K: Ông **Trần Văn Ý** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 233/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**: Chị **Nguyễn Thị Mỹ L**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Ấp 8 X, xã Đ, huyện A, tỉnh K.

* **Bị đơn**: Anh **Phạm Thanh T**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp 8 X, xã Đ, huyện A, tỉnh K.

(Chị L xin vắng mặt; anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:***

Do quen biết chị và anh T tiến tới hôn nhân vào cuối năm 2014. Chị và anh Phạm Thanh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban xã Đ, huyện A, tỉnh K. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp nhau về suy nghĩ và tính cách nên luôn phát sinh nhiều mâu thuẫn. Tuy hai bên cũng cố nhẫn nhịn để xây dựng hạnh phúc nhưng không có kết quả, vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Xét thấy hiện nay tình cảm vợ chồng không hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung có 01 con chung là Phạm Thị Mỹ Q, sinh ngày 01/4/2016. Hiện do chị đang nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định không có.

Nay chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện A xem xét giải quyết.

Về hôn nhân được ly hôn với anh Phạm Thanh T; Về con chung chị yêu cầu tiếp tục được nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Bị đơn anh Phạm Thanh T không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ L, mặc dù Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Chị Mỹ L: Có đơn xin yêu cầu giải quyết vắng mặt.
- Anh T: Vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhiều lần.

- Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng, bị đơn vắng mặt không đảm bảo theo quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Mỹ L được ly hôn với anh Phạm Thanh T. Về con chung: Tiếp tục giao con chung là Phạm Thị Mỹ Q, sinh ngày 01/4/2016 cho chị Nguyễn Thị Mỹ L tiếp tục nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết do Chị L không có yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L xác định không có, anh T không có ý kiến về tài sản chung cũng như nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L có đơn xin vắng mặt, bị đơn anh Phạm Thanh T vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh, chị trong vụ án này.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

- Xét thấy quan hệ hôn nhân của chị Mỹ L và anh T là hợp pháp, được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh K cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Hôn nhân của anh chị được xây dựng trên cơ sở quen biết, tìm hiểu nhau trước khi đi đến hôn nhân. Anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị Mỹ L nguyên nhân là do trong quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp nhau về suy nghĩ và tính cách nên luôn phát sinh nhiều mâu thuẫn. Tuy hai bên cũng cố nhẫn nhịn để xây dựng hạnh phúc nhưng không có kết quả, vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay.

Anh T không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện cũng như nguyên nhân mâu thuẫn mà phía chị Mỹ L đưa ra. Mặc dù, lời trình bày của chị Mỹ L là đơn phương nhưng anh T không có ý kiến phản bác đối với lời trình bày này. Hơn nữa, anh T không tham dự các phiên hòa giải của Tòa án để thể hiện ý kiến của mình là muốn đoàn tụ, hàn gắn mâu thuẫn hôn nhân chứng tỏ anh T không mong muốn tiếp tục duy trì hôn nhân với chị Mỹ L. Đồng thời anh, chị đã có thời gian ly thân khá lâu từ năm 2019 đến nay nhưng vẫn không thể hàn gắn, đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân giữa chị Mỹ L và anh T không thể tiếp tục kéo dài, tình trạng hôn nhân của anh, chị đã không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Mỹ L là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Mỹ L xác định giữa chị và anh T có 01 con chung là Phạm Thị Mỹ Q, sinh ngày 01/4/2016, hiện nay do Chị L đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn Chị L yêu cầu tiếp tục được nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị Mỹ L và anh T ly thân cho đến nay là do chị Mỹ L nuôi dưỡng con chung. Anh T không có ý kiến gì về việc Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Do đó để đảm bảo sự phát triển và quyền lợi của con chung nên cần tiếp tục giao con chung là Phạm Thị Mỹ Q, sinh ngày 01/4/2016 cho chị Mỹ L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

[4] Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Mỹ L không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Mỹ L đều xác định không có. Anh T không có ý kiến tài sản chung cũng như nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[7] Xét đề nghị của Vị Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Các Điều 24; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Mỹ L được ly hôn với anh Phạm Thanh T.

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung là Phạm Thị Mỹ Q, sinh ngày 01/4/2016 cho chị Nguyễn Thị Mỹ L tiếp tục nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

- Tiền cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết do không có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết do không có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị Mỹ L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005129 ngày 22/11/2021 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh K. Xem như chị Mỹ L đã thi hành xong phần án phí.

5. Chị Nguyễn Thị Mỹ L, anh Phạm Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và

Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU